

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

NGHỆ THUẬT SỬ DỤNG TỪ CHỈ SỐ CỦA NGƯỜI VIỆT TRONG THÀNH NGỮ, TỤC NGỮ VÀ CA DAO

TRẦN THỊ LAM THỦY* - LÊ THẾ HÙNG**

TÓM TẮT: Qua tổng hợp các hình thức biểu đạt của con số trong thành ngữ, tục ngữ, ca dao, chúng tôi đi tới kết luận, về cơ bản cách cấu trúc nhịp điệu của con số trong cả ba thể loại vừa có nét riêng, vừa có những điểm giống nhau. Điều đó cho thấy cách nói, cách nghĩ, cách thể hiện của người Việt về ngôn ngữ khá thống nhất trong các ngữ cảnh; tạo nên đặc điểm đặc trưng của tiếng Việt và nghệ thuật sử dụng từ ngữ của người Việt trong việc sáng tạo ngôn từ. Qua con số, chúng ta cũng có thể khẳng định được thành ngữ, tục ngữ, ca dao là những thể loại mang đậm đặc trưng ngôn ngữ, văn hóa dân tộc.

TỪ KHÓA: nghệ thuật sử dụng số; sáng tạo ngôn từ; thành ngữ, tục ngữ, ca dao; cấu trúc nhịp điệu; đặc trưng ngôn ngữ.

NHẬN BÀI: 26/4/2020.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 15/8/2020

1. Đặt vấn đề

Thành ngữ, tục ngữ, ca dao cũng như mọi thể loại văn học dân gian khác, đều là những tác phẩm nghệ thuật với tính trọn vẹn của nó. Đặc biệt, khi nhìn từ phương diện tổ chức ngôn ngữ, chúng ta có thể nói, đây là những tác phẩm mang đặc tính thơ đặc trưng của dân tộc. Mỗi một đơn vị thành ngữ, một câu tục ngữ hay một bài ca dao tồn tại đến ngày nay đều có thể coi là những tác phẩm nghệ thuật tiêu biểu, đạt đến độ tinh xảo về ngôn ngữ, tinh tế về nội dung - là những “viên ngọc” quý trong kho tàng văn học dân gian của dân tộc. Tùy từng cấp độ nghệ thuật để tổ chức, song mỗi tác phẩm đều đảm bảo sự thống nhất thành một chỉnh thể giữa các thành tố, đồng thời mỗi một thành tố trong tác phẩm đều có vai trò góp phần tạo nên chỉnh thể trọn vẹn về nội dung, hoàn thiện về hình thức.

Khi con số có mặt trong thành ngữ, tục ngữ, ca dao, nó cũng tham gia vào việc tổ chức kết cấu, tạo vần nhịp, tạo nghĩa, góp phần tạo nên “tính thơ” cho tác phẩm. Trong bài viết này, chúng tôi đặt ra vấn đề - con số tham gia cấu trúc nhịp điệu thơ cho thành ngữ, tục ngữ, ca dao sử dụng số như thế nào?

2. Đặc điểm nghệ thuật sử dụng con số trong thành ngữ, tục ngữ và ca dao

2.1. Con số góp phần tạo cấu trúc nhịp điệu trong thành ngữ

Về cấu trúc của thành ngữ, tác giả Hoàng Văn Hành đã phân thành ba loại chính: thành ngữ ẩn dụ hóa đối xứng, thành ngữ ẩn dụ hóa phi đối xứng, thành ngữ so sánh [1]. Qua khảo sát con số trong các kết cấu trên, chúng tôi nhận thấy, con số có mặt chủ yếu trong các thành ngữ ẩn dụ hóa đối xứng và góp phần tạo cấu trúc nhịp điệu cho thành ngữ đó.

Với các thành ngữ ẩn dụ hóa đối xứng, đặc điểm nổi bật nhất về cấu trúc là tính chất đối xứng giữa các bộ phận. Mỗi thành ngữ thường có bốn yếu tố tạo thành hai vế, mỗi vế gồm hai yếu tố. Chẳng hạn: *một nắng/ hai sương; ba chìm/ bảy nổi; mồm năm/ miệng mười...* (Một vài thành ngữ có sáu hoặc tám yếu tố như *sai một li, đi một dặm; một ngày vãi chài, hai ngày phơi lưới*). Số thành ngữ này rất hữu hạn và cũng theo cấu trúc hai vế cân đối). Quan hệ giữa hai vế của thành ngữ đối xứng có con số cũng được thiết lập nhờ vào tính tiết tấu hay nhịp điệu và những thuộc tính về ngữ nghĩa, ngữ pháp giữa các yếu tố được đưa vào trong hai vế. Các con số khi có mặt trong thành ngữ cũng phối hợp với các yếu tố theo luật hài âm. Biện pháp hài âm giữa các con số chủ yếu với các hình thức sau:

Thứ nhất, sử dụng hình thức điệp âm

Đây là cách để yếu tố đầu của vế thứ nhất với yếu tố đầu của vế thứ hai trong thành ngữ cùng một con số: *một dầy/ một mỏng; một sống/ một chết; một trời/ một vực; một mát/ một còn; ba*

* TS; Trường Đại học Sài Gòn; Email: tranthilamthuy@gmail.com

** HVCH; Trường Đại học Sài Gòn; Email: lehung2604@gmail.com

gai/ ba đờ; ba cọc/ ba đồng; ba đảng/ ba loài, v.v. Qua thống kê của chúng tôi, hiện tượng điệp chủ yếu xuất hiện ở con số một với 35 lượt/ 130 thành ngữ (con số hai có 2 lượt/ 37 thành ngữ; con số ba có 4 lượt/ 77 thành ngữ). Với con số, khi hiện tượng điệp xảy ra, nó không đơn thuần là yếu tố chỉ lượng mà luôn luôn gắn liền với phạm trù chỉ quá trình trong sắc thái nhấn mạnh mức độ. Riêng con số một trong thành ngữ đôi, “dường như không biểu thị ý về số lượng, mà biểu thị nghĩa về tính khẳng định, tính tăng cường về mức độ do phép lặp đi lặp lại” [2, tr.54].

Thứ hai, sử dụng hình thức đối thanh

Đây là biện pháp sử dụng thanh điệu của hai vế (trung ứng với hai vị trí trước và sau) đối lập nhau. Nếu ở vế trước là thanh bằng thì vế sau lại là thanh trắc; hoặc hai yếu tố ở vế trước được sắp xếp thanh điệu bằng - trắc thì vế sau sẽ là trắc - bằng. Chẳng hạn, cấu trúc BB/TT: *ba xôi/ một chõ; ba bè/ bảy mối; ba chìm/ bảy nổi; hai swong/ một nắng*; hoặc cấu trúc TT/BB: *bảy thớt/ ba dòng; bảy vía/ ba hồn; bảy tiết/ năm tao*; hoặc cấu trúc TB/BT: *một nghèo/ hai trắng; chín trâu/ mười đụn; chín người/ mười ý*; cách đối thanh này tạo nên tiết tấu nhịp nhàng, tạo ấn tượng về mức độ tăng cường cho nội dung được nói đến trong thành ngữ.

Nhờ hình thức điệp âm và đối thanh, tác giả dân gian có thể thiết lập quan hệ đối ứng giữa các con số hoặc các đơn vị, đặc tính đi kèm con số để tạo ra ấn tượng về sự tương ứng, sự hài hòa về âm thanh và ý nghĩa. Chẳng hạn để tạo nên sự đối ứng về lượng: *cho một/ lột mười; cừu tử/ nhất sinh; một đón/ mười rào; một chín/ một mười*; hoặc sự đối ứng về đặc điểm, tính chất của yếu tố đi kèm với con số: *một già/ một trẻ; một sống/ một chết; sai một li/ đi một dặm; nói một đằng/ làm một nẻo*, v.v.

Có thể thấy, với sự vận dụng các con số, các yếu tố trong thành ngữ đã được tổ chức thành một chỉnh thể ngữ pháp - ngữ nghĩa, trong đó các vế của thành ngữ vừa có sự hài hòa về âm thanh, vừa có sự đối ứng về ý nghĩa và cấu tạo.

2.2. Con số góp phần tạo cấu trúc nhịp điệu trong tục ngữ

Khi xem xét tục ngữ với tư cách là những sáng tác nghệ thuật, nhiều tác giả đã thống nhất nhận định rằng lối nói của tục ngữ là lối nói có hình ảnh, lối nói gắn liền với tư duy hình tượng [2, tr.38-41; 3, tr.41]. Nghĩa là cấu tạo của tục ngữ có những yếu tố của kết cấu thơ, những biện pháp tu từ, những cách vận dụng ngôn ngữ dân tộc độc đáo. Trong đó, có sự độc đáo từ việc vận dụng các con số.

Cũng như thành ngữ, nhiều câu tục ngữ có hai vế đối ứng. Chẳng hạn: *Một ngôi sao/ một ao nước; Một lời nói/ một đời máu; Một năm làm nhà/ ba năm hết gạo*, v.v. Rất nhiều câu có từ hai vế trở lên: *Nhất bạch, nhị hoàng, tam khoanh, tứ đốm; Nhất cận thị, nhị cận giang, tam cận lộ; Nhất giống, nhì phân, tam cần, tứ giống*; nhiều câu có cấu trúc đối ứng của thơ lục bát: *Thứ nhất thì mồ côi cha/ Thứ hai gánh vãi/ thứ ba buôn thuyền; Thứ nhất thì tu tại gia/ Thứ nhì tu chợ/ thứ ba tu chùa*, v.v. Hầu hết, trong các kiểu đối ứng này, con số thường đứng đầu các vế (*nhất... nhì... ba... hoặc thứ nhất... thứ nhì... thứ ba...*). Giống như thành ngữ, các con số trong tục ngữ cũng góp phần tạo cấu trúc nhịp điệu với các hình thức: điệp âm, đối thanh và thiết lập quan hệ đối xứng về nghĩa.

Hình thức điệp âm của con số trong tục ngữ xuất hiện tương đối nhiều: 196 lượt với cặp số *một - một*, 5 lượt với cặp *hai - hai*; 41 lượt với cặp *ba - ba*; 1 lượt với cặp *bốn - bốn*; 3 lượt với cặp *năm - năm*; 1 lượt với con số *chín - chín - chín*. Tất cả có 247 lượt/ 2.164 câu tục ngữ. Như vậy, trường hợp lặp âm trong tục ngữ cũng xảy ra chủ yếu ở con số *một*. Đặc điểm này hoàn toàn tương ứng với các hiện tượng điệp âm trong thành ngữ.

Hình thức đối thanh cũng được vận dụng tương đối phổ biến trong nhiều câu tục ngữ sử dụng con số. Chẳng hạn: *Nhất rậm ri/ nhì bạch tuộc; Nhất sĩ/ nhì nông; Nhất lé/ nhì lùn; Nhất mẹ/ nhì con*, v.v.

Với các hình thức nghệ thuật này, con số đã được thiết lập quan hệ đối ứng về nghĩa nhờ được đặt trong sự đối lập, tương phản về lượng (lớn và bé) hoặc trong các kết hợp mà những từ đi kèm con số

tương phản về ý nghĩa. Chẳng hạn, đối lập về lượng lớn - bé: *Một kin/ mười hờ; Một lần ta cười/ mười lần ta ghét; Một lần thấy/ mười lần không; Chín phần chết/ một phần sống*; hoặc đối lập về đặc tính, mức độ... của từ đi kèm con số: *Một miếng việc làng/ một sàng việc nhà; Một nạm gió/ một bó chèo; Một lời nói/ một gói tội*, v.v.

Một điểm khác biệt giữa tục ngữ và thành ngữ là những cấu trúc so sánh trong tục ngữ nhiều hơn, có tác dụng tạo nhịp điệu rõ hơn trong thành ngữ. Chúng ta có thể gặp rất nhiều câu tục ngữ mà hai vế được đặt trước và sau từ so sánh. Kiểu như: *Một nạm gió bằng một bó chèo; Một kho vàng không bằng một nang chữ; Một miếng giữa làng bằng một sàng xó bếp; Một nạm lác bằng một vác chèo; Người đói một năm bằng tám đói một bữa*, v.v.

Với các kiểu cấu trúc trên, con số góp phần tạo nên những giá trị nghệ thuật cho tục ngữ:

- Tạo nhịp điệu cho tục ngữ trên cơ sở kết cấu câu nhiều vế. Đa số các vế của tục ngữ đều tương ứng về số lượng, về từ loại và phạm trù ngữ nghĩa. Chẳng hạn: *Một mũi tên/ hai con nhạn* (mỗi vế có số lượng thành tố: 3, cấu trúc ngữ pháp: cụm danh từ, đứng đầu là từ chỉ số lượng); *Nhất mẹ/ nhì con* (số lượng thành tố: 2, cấu trúc ngữ pháp: số từ kết hợp danh từ). Một số tục ngữ hai vế không cân đối về dung lượng song lại tạo được sự nhấn mạnh cho một trong hai vế: *Một khổ/ hai người đống; Một sông/ chày hai dòng*, v.v. Tuy nhiên, đây chỉ là một số hiện tượng cá biệt.

- Tạo sự nhấn mạnh, ấn tượng về con số. Đặt trong từng văn cảnh, sau mỗi vế câu, con số được lặp lại tạo ấn tượng khẳng định; hoặc con số tăng tiến, tạo ấn tượng về mức độ cao hơn trong quá trình phát triển của sự vật, đối tượng.

Có thể nói, nếu mỗi vế của tục ngữ là một nội dung thì nhịp điệu và các hình thức tạo cấu trúc vần điệu trong câu đã tạo nên sự nhịp nhàng, hài hòa, cân đối cả về thanh điệu và ý nghĩa cho toàn câu, nối kết các vế thành một chỉnh thể nghệ thuật hoàn chỉnh, dễ đọc, dễ nhớ, dễ lưu truyền. Chính bởi vậy, những kinh nghiệm của tục ngữ có thể trường tồn cùng lịch sử văn hóa của dân tộc. Góp phần làm nên hệ quả đó, có những con số trong tục ngữ.

2.3. Con số góp phần tạo cấu trúc nhịp điệu trong ca dao

Ca dao mang rõ những đặc điểm của thơ ca. Cùng xuất phát từ ngôn ngữ của nhân dân, bởi vậy, trong ca dao có thành ngữ, tục ngữ. Chẳng hạn: *Phải duyên phải kiếp thì theo/ Số nghèo chín đụn mười trâu cũng nghèo* hoặc *Chối tiên quét sạch sân đơn/ Dầu cho chín gian mười hờn cũng khuây* (thành ngữ *chín đụn mười trâu, chín gian mười hờn*). Chính vì lẽ đó, việc tạo nhịp điệu của con số trong ca dao cũng mang những hình thức tương ứng như trong thành ngữ, tục ngữ.

Sử dụng hình thức điệp âm: hình thức này hầu hết chỉ xuất hiện ở con số *một* và con số *ba*. Qua thống kê trong ca dao, cặp *một - một* có 156 lượt xuất hiện và *ba - ba* có 51 lượt, cặp *mười - mười* có 7 lượt. Các con số khác chỉ xuất hiện một vài lần, không mang giá trị tạo nhịp điệu cho văn bản.

Khác với thành ngữ và tục ngữ, hiện tượng điệp âm trong ca dao diễn ra với nhiều hình thức khác nhau. Có khi, các con số trong bài được đặt vào những vế cân đối: *Một thuyền, một bến, một dây/ Ngọt bùi ta hưởng, đắng cay ta cùng*; có khi con số được đặt ở vị trí đầu - cuối tương ứng: *Ba phen trâu hỏi cả ba/ Phen này hỏi nữa thật là số anh; Thương em nó biết mần rãng/ Mười đêm ra đưng trông trăng cả mười*; có khi con số đồng trên được lặp lại ở dòng dưới: *Chưa ai ba họ cùng giàu/ Chưa ai nghèo khổ đến đâu ba đời; Phong phanh ba thước lụa hồ/ Ba vuông khăn nhiều cơ đồ có khi*, v.v. Với hình thức điệp, ấn tượng về số được nhấn mạnh, ngay cả khi ở vị trí của con số lặp lại vốn không phải là vị trí tạo nhịp của thơ lục bát. Nhờ vậy, ý nghĩa khẳng định, nhấn mạnh hay tăng cường về ý nghĩa của con số được khẳng định rõ hơn trong văn bản.

Sử dụng hình thức đối thanh để tạo cấu trúc nhịp điệu trong ca dao ít phổ biến, nói đúng hơn, hiện tượng này chỉ xảy ra cục bộ trong các bài ca dao có sử dụng thành ngữ, tục ngữ hoặc trong cặp kết hợp số liền kề. Chẳng hạn: *Thế gian một vợ một chồng/ Chẳng như vua bếp hai ông một bà; Thương anh lắm lắm anh ơi/ Thấy anh ba chón bốn nơi em buồn*. Với ca dao, hiện tượng sử dụng cặp số đối

thanh (theo luật bằng - trắc) thường đề diễn tả những khó khăn, trắc trở trong cuộc sống, tình yêu. Có thể nói, chính hình thức cấu trúc này đã góp phần không nhỏ cho việc thể hiện cấu trúc ngữ nghĩa của các bài ca dao trên.

Cũng như thành ngữ, tục ngữ, các hình thức nghệ thuật trên đã tạo quan hệ đối ứng giữa các vế câu bằng sự đối ứng về lượng giữa số lớn và số bé: *Dấu xây chín bậc phù đồ/ Chẳng bằng làm phúc cứu cho một người*; *Mười năm lưu lạc giang hồ/ Một ngày tu tác cơ đồ lại nên*; *Một ngày qua ngõ chín lần/ Người ta giàu sang em chuộng, anh đói bản em chê*. Sự đối ứng giữa lượng ít và nhiều trong văn cảnh không chỉ tạo nhịp điệu mà còn góp phần tạo ấn tượng về ngữ nghĩa, về mức độ từ sự tương quan giữa các con số.

Ngoài những điểm giống với thành ngữ và tục ngữ như đã nói ở trên, con số trong ca dao còn có khả năng tạo nên những cấu trúc bất thường về nhịp điệu từ việc sắp xếp nhiều con số theo trật tự tăng tiến. Chẳng hạn: *Một thương, hai nhớ, ba trông/ Tư chờ, năm đợi, bảy tám chín mong kết duyên*; *Một thương, hai nhớ, ba vì/ chín chờ, mười đợi có khi vuông tròn*, v.v. Với sự xuất hiện liên tiếp các con số, nhịp điệu dòng thơ trở nên dồn dập, tạo cảm giác nhanh, mãnh liệt về sự phát triển. Có khi, các con số xuất hiện liên tục đầu dòng thơ: *Một thương tóc bỏ đuôi gà/ Hai thương ăn nói mặn mà có duyên/ Ba thương má lúm đồng tiền.../ Mười thương con mắt có tình với ai* như những điểm nhấn tạo cảm nhận về thứ tự, song cũng là sự phát triển tình cảm, cách đánh giá về nhân vật trữ tình trong tác phẩm. Đây cũng là một biện pháp tạo cấu trúc nhịp điệu cho ca dao, vừa mang tới ý nghĩa về hình thức vừa giúp biểu đạt ý nghĩa về nội dung.

Tổng hợp lại, chúng tôi có bảng hệ thống sau:

Bảng 1. Hình thức tạo nhịp điệu của con số trong thành ngữ, tục ngữ, ca dao

	Thể loại	Hình thức cấu tạo	Tác dụng
Điểm chung	Cả ba thể loại thành ngữ, tục ngữ, ca dao	Lặp (điệp) âm	Tạo nhịp điệu, nhấn mạnh ấn tượng, ý nghĩa về lượng hoặc mức độ của sự vật hiện tượng gắn với con số
		Đối thanh (B-T)	Tạo cấu trúc hài hòa, cân đối giữa các vế.
		Đối ứng: tạo sự tương phản về lượng, đơn vị gắn với con số.	Tạo cấu trúc cân đối giữa hai vế; tạo sự tương phản về nghĩa để khẳng định sự đối lập về giá trị, mức độ giữa hai sự vật, hiện tượng gắn liền với con số.
Điểm riêng	Tục ngữ	So sánh giữa các vế gắn liền với con số	Tạo cấu trúc nhịp điệu giữa hai vế qua từ so sánh; cụ thể hóa về giá trị, số lượng, mức độ của sự vật, hiện tượng gắn liền với con số.
	Ca dao	Sắp xếp các con số theo trật tự tăng tiến	Tạo những cấu trúc bất thường, nhịp điệu dồn dập, diễn tả mức độ phát triển cao của quá trình gắn với đối tượng đi kèm con số.

5. Kết luận

Thành ngữ, tục ngữ, ca dao là những sáng tác dân gian giàu tính nghệ thuật, với những đặc điểm ngôn ngữ mang đặc trưng của thơ. Để tạo nên chất thơ cho tác phẩm, mọi yếu tố ngôn ngữ trong đó đều là những thành tố góp phần tạo nên giá trị nghệ thuật cho chính thể. Con số có mặt trong thành ngữ, tục ngữ, ca dao cũng vậy. Nó có thể được sử dụng theo hình thức điệp âm, đối thanh để tạo nên sự hài hòa hay đối ứng về nghĩa.

Mặc dù ba thể loại thành ngữ, tục ngữ và ca dao đều có những điểm tương đồng trong việc vận dụng biện pháp hài thanh song do sự khác biệt về cấp độ cấu trúc nên mỗi thể loại vẫn có những điểm riêng: 1/Thành ngữ cân đối, hài hòa với cấu trúc hai vế đối ứng; 2/Tục ngữ ngoài sự cân đối giữa các vế còn có sự phát triển nhiều vế, nhiều tầng bậc với những câu có từ ba vế trở lên; 3/Ca dao với dung lượng lớn hơn có thể có những kết cấu tầng bậc, tầng tiến qua sự phát triển về lượng của con số; sự vận dụng nhiều hình thức phong phú hơn để tạo nên sự hài hòa về hình thức và ý nghĩa.

Có thể nói, mỗi thể loại có một nét đặc thù riêng song về cơ bản cách tạo cấu trúc nhịp điệu của con số trong cả ba thể loại đều có những điểm giống nhau. Điều đó cho thấy cách nói, cách nghĩ, cách thể hiện của người Việt về ngôn ngữ là thống nhất trong các ngữ cảnh; tạo nên đặc điểm đặc trưng của tiếng Việt, của nghệ thuật sử dụng từ ngữ của người Việt trong việc sáng tạo nghệ thuật ngôn từ. Qua con số, chúng ta cũng có thể khẳng định được thành ngữ, tục ngữ, ca dao là những thể loại mang đậm đặc trưng ngôn ngữ, văn hóa dân tộc là vì vậy.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Văn Hành (2001), *Thành ngữ học tiếng Việt*. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
2. Nguyễn Xuân Kính (2004), *Thi pháp ca dao*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
3. Vũ Ngọc Phan (2001), *Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam (in lần thứ mười hai)*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
4. Roderick Beaten (1980), *Folk poetry of modern Greece*, Cambridge University Press.

NGŨ LIỆU

1. Bùi Hạnh Cẩn (1997), *Từ vựng chữ số và số lượng*, Nxb Văn hoá - Thông tin.
2. Nguyễn Xuân Kính - Phan Đăng Nhật (2002), *Kho tàng ca dao người Việt (2 tập)*, Nxb Văn hoá - Thông tin, Hà Nội.
3. Nguyễn Xuân Kính (2002 - chủ biên), *Kho tàng tục ngữ người Việt (2 tập)*, Nxb Văn hoá - Thông tin, Hà Nội.
4. Nguyễn Như Ý, Nguyễn Văn Khang, Phan Xuân Thành (1993), *Từ điển thành ngữ Việt Nam*, Nxb Văn hóa (679 trang).

The using of phraseology by numbers of Vietnamese in idioms, proverbs and folk verses

Abstract: The article presents how the rhythmic accent of idioms, proverbs, folk verses in Vietnamese was created by using the phraseology of numbers. In conclusion, there are both similarities and differences. The creation of Vietnamese people in using language is unified by the way of talking, thinking and expressing. Through phraseology of numbers, we can affirm that idioms, proverbs, folk verses are characterized by national language and culture. They are also contributed to the specificity of the Vietnamese language.

Key words: phraseology of numbers; language creation; idioms, proverbs, folk verses; rhythm structure; linguistic characteristics.